2026-10-22 CSCA30_De_11_Cau_001

Mã bài CSCA30_De_11_Cau_001
Đề 11 · Câu 001 · Ngày 2026-10-22
Chương 01 - Tập hợp · Dễ

Kết quả / 答案 A

解题步骤 · Lời giải tiếng Trung

第1步：元素与集合用 $\in$，集合之间用 $\subseteq$。
→ 原理："$\in$"用于元素与集合之间，"$\subseteq$"用于集合与集合之间；空集是任何集合的子集。
第2步：$12 \in A$，A 正确。
→ 原理：同上，"$\in$"用于元素与集合之间，"$\subseteq$"用于集合与集合之间；空集是任何集合的子集。
第3步：B、C、D 记号或关系错误。
→ 原理：同上，"$\in$"用于元素与集合之间，"$\subseteq$"用于集合与集合之间；空集是任何集合的子集。
说明：集合 A 的元素是所列出的数，其中包含 12，所以 $12 \in A$。单元素集合不等于其元素，$\subseteq$ 表示集合之间的包含关系。
结论：选 A。

Các bước giải · Lời giải tiếng Việt

Bước 1 – A gồm các số $9, 10, 11, 12, 13$; giữa phần tử và tập dùng $\in$, giữa hai tập dùng $\subseteq$.
→ Lý thuyết: Ký hiệu $\in$ dùng giữa một phần tử và một tập hợp; $\subseteq$ dùng giữa hai tập hợp ($A \subseteq B$ khi mọi phần tử của A đều thuộc B). Tập rỗng là tập con của mọi tập.
Bước 2 – A: 12 có trong danh sách nên $12 \in A$ – đúng.
→ Lý thuyết: nhắc lại – Ký hiệu $\in$ dùng giữa một phần tử và một tập hợp; $\subseteq$ dùng giữa hai tập hợp ($A \subseteq B$ khi mọi phần tử của A đều thuộc B).
Bước 3 – B: tập rỗng không phải phần tử của A; C: $\{9\}$ là tập (đúng phải viết $\{9\} \subseteq A$); D: 9 là số, không dùng $\subseteq$.
→ Lý thuyết: nhắc lại – Ký hiệu $\in$ dùng giữa một phần tử và một tập hợp; $\subseteq$ dùng giữa hai tập hợp ($A \subseteq B$ khi mọi phần tử của A đều thuộc B).
Kết luận: chọn A.

Mở đề bài / 查看题目